

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/DS-ST  
Ngày 09-7-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thành Đông

Ông Liêu Trinh Húy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2021 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty T (V); địa chỉ trụ sở: Tầng 2, Tòa Nhà R, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phạm Hoài T - Trưởng Nhóm Quản Lý Thu Hồi Nợ Ngoại Bảng Bên Thứ Ba - Thuộc Trung tâm Thu Hồi Nợ - Phòng Quản Lý Thu Hồi Nợ Ngoại Bảng Bên Thứ Ba, là người đại diện theo văn bản ủy quyền số 121/UQ-VH.20 ngày 25-9-2020 và văn bản ủy quyền ngày 31-12-2020; địa chỉ liên hệ: đường N, KDC P, phường P, quận C, Thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

**- Bị đơn:** Ông Tiết Chí D; địa chỉ nơi cư trú: Ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Đại V; địa chỉ nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31-12-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty T (sau đây gọi tắt là Công ty Tài chính) có người đại diện hợp pháp ông Phạm Hoài T trình bày vào ngày 21-3-2020, Công ty có ký kết với ông Tiết Chí D Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, Hợp đồng tín dụng và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số HĐ: 20200321-5918513 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng); qua đó, Công ty Tài chính cho ông D vay số tiền vốn 40.635.000 đồng, lãi suất 3,75%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân (mua xe), thỏa thuận ông D có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền 61.763.118 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong 24 tháng, bắt đầu từ ngày 16-4-2020, cụ thể 23 kỳ đầu mỗi kỳ trả 2.597.345 đồng, kỳ cuối trả 2.024.183 đồng. Sau khi nhận vốn vay xong thì ông D chỉ thanh toán một kỳ duy nhất số tiền 2.610.000 đồng và kể từ ngày 17-4-2020 đến nay không thanh toán thêm kỳ nào mặc dù Công ty Tài chính đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Do ông D vi phạm hợp đồng nên Công ty Tài chính yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D phải thanh toán cho Công ty số tiền nợ 59.153.115 đồng (trong đó nợ gốc 39.315.691 đồng, nợ lãi 19.837.424 đồng) theo Hợp đồng đã ký kết, ngoài ra Công ty Tài chính không có yêu gì khác. Tại Bản luận cứ đề ngày 08-7-2021 và Bản tự khai đề ngày 9-7-2021, người đại diện hợp pháp của Công ty Tài chính thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông D trả tổng số tiền nợ 54.855.407 đồng (trong đó nợ gốc 39.315.691 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15.539.716 đồng), ngoài ra không có yêu gì khác.

Tại biên bản lấy khai ngày 30-3-2021, các biên bản hòa giải ngày 30-3-2021 và ngày 06-5-2021, bị đơn ông Tiết Chí D trình bày thừa nhận có ký Hợp đồng ngày 21-3-2020 với Công ty Tài chính để vay số tiền vốn 40.635.000 đồng mua xe trả góp, thỏa thuận góp trong 24 tháng, mỗi tháng trả 2.600.000 đồng, sau khi vay ông có trả được một lần hay hai lần tiền góp ông không nhớ rõ. Tuy nhiên, ông vay tiền trên để mua xe giùm bạn tên Trần Đại V, hiện ông không giữ chiếc xe này, việc mua xe giùm là do chỗ bạn bè tin tưởng nên cũng không có làm biên nhận hay giấy tờ. Với yêu cầu của Công ty Tài chính thì do ông không có khả năng trả một lần hết tiền vốn, lãi nên ông xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng - 2.500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ và đề nghị Công ty Tài chính giảm lãi cho ông, ngoài ra ông không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đại V đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng đương sự trên vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công ty Tài chính vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông D và ông V vắng mặt không lý do, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành các quy định, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về nghĩa vụ trả tiền vốn vay, tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính là tranh chấp dân sự về “*hợp đồng tín dụng*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4, 12 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; ông D có nơi cư trú tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, xét xử sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công ty Tài chính vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; bị đơn ông D vắng mặt có người thân cung cấp thông tin cho rằng hiện ông D đang làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không cung cấp được địa chỉ nơi cư trú mới. Nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông D cung cấp địa chỉ nơi cư trú và nhận văn bản của Tòa án là nhà tại ấp K, xã L huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đến địa chỉ trên và được người thân nhận thay, thông báo lại thì ông D cũng không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án (về việc thay đổi địa chỉ nơi cư trú, làm việc hay đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa...). Căn cứ khoản 3 Điều 70, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[2] Tại Bản luận cứ đề ngày 08-7-2021 và Bản tự khai đề ngày 9-7-2021, người đại diện hợp pháp của Công ty Tài chính thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông D phải trả tổng số tiền nợ 54.855.407 đồng (trong đó nợ gốc 39.315.691 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09-7-2021 là 15.539.716 đồng) theo Hợp đồng đã ký kết. Xét thấy, việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính đối với ông D về tiền vốn vay theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, Hợp đồng tín dụng và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số HĐ: 20200321-5918513 ngày 21-3-2020 (bút lục số 30-32). Thấy rằng, Hợp đồng trên được ký kết giữa ông D với Công ty Tài chính trên cơ sở ý chí tự nguyện thỏa thuận, ông D đã nhận và sử dụng tiền vốn vay là 40.635.000 đồng nhưng chỉ trả được số tiền vốn 1.319.309 đồng, sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D cũng thừa nhận việc ký Hợp đồng vay số tiền vốn trên sử dụng tiêu dùng cá nhân (mua xe). Vì vậy, Công ty Tài chính khởi kiện yêu cầu ông D phải thanh toán tổng số tiền nợ vốn 39.315.691 đồng là đúng thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký kết và phù hợp quy định tại Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về yêu cầu tiền lãi, thấy rằng ông D nhận tiền vốn vay nhưng không thanh toán trả đầy đủ tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể từ khi vay vốn thì ông mới trả được 1.290.691 đồng tiền lãi. Vì vậy, Công ty Tài chính yêu cầu ông D có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07-9-2021 với mức lãi suất theo hợp đồng đã ký kết 3,75%/tháng tổng số tiền 15.539.716 đồng là đúng ý chí thỏa thuận giữa hai bên trong Hợp đồng và phù hợp quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, hướng dẫn tại Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D xin trả góp dần mỗi tháng 2.000.000 đồng - 2.500.000 đồng đến khi trả hết nợ và yêu cầu Công ty Tài chính giảm tiền lãi nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty Tài chính không đồng ý. Do đó, như đã phân tích ở đoạn [2], [3] ý kiến này của ông D không có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận; việc ông D cho rằng vay tiền để mua xe giùm ông V và ý kiến để ông V cùng có trách nhiệm trả tiền nợ cho Công ty Tài chính nhưng ông V không có ý kiến và Công ty Tài chính vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông D có trách nhiệm trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét ý kiến này của ông D, nếu giữa ông D và ông V có tranh chấp với nhau có đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định pháp luật. Ngoài ra trong vụ án, Công ty Tài chính và ông D không ai có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Qua những phân tích như đã nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính; xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T, buộc ông Tiết Chí D có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T số tiền 54.855.407 đồng (trong đó nợ gốc 39.315.691 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09-7-2021 là

15.539.716 đồng) theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, Hợp đồng tín dụng và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số HĐ: 20200321-5918513 ngày 21-3-2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Tiết Chí D phải chịu 2.742.700 đồng.

- Công ty T không phải chịu, hoàn trả cho Công ty tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.479.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008274 ngày 08-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kim Nhân**